

**503074 – PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG DI ĐỘNG**

**PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ**

* 1. **Thông tin nhóm**
* *Đặng Minh Phong – 52100987*
* *Lê Gia Huy – 52100033*
* *Nguyễn Minh Khang - 52100967*
* *Link video youtube (nếu có):* [*https://www.youtube.com/watch?v=bZw9RyCi2co*](https://www.youtube.com/watch?v=bZw9RyCi2co)
  1. **Ghi chú**

- Liệt kê công việc của từng thành viên trong nhóm. Nếu thành viên nào bỏ không tham gia cũng ghi thật kỹ ở đây.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| MSSV | Tên SV | Công việc | Mức độ hoàn thành |
| 52100987 | Đặng Minh Phong | * Tạo project, kết nối dịch vụ firebase, bố cục giao diện. * Tạo trang đăng nhập, đăng ký, đổi mật khẩu. * Quản lý thông tin cá nhân. * Chức năng học bằng flashcard, text to speech. * Tìm kiếm topic, tìm kiếm user. * Chia sẻ, quét mã QR topic * Thiết kế giao diện ứng dụng. * Làm word. | 100% |
| 52100033 | Lê Gia Huy | * Thiết kế cơ sở dữ liệu. * Quản lý topic, thêm, xóa, sửa. * Thêm word vào topic (thêm thủ công + excel). * Chức năng làm kiểm tra trắc nghiệm. * Thêm dữ liệu. * Làm word. | 100% |
| 52100967 | Nguyễn Minh Khang | * Quản lý folder, thêm, xóa, sửa. * Thêm, xóa topic trong folder. * Chức năng làm kiểm tra điền từ. * Chức năng bảng xếp hạng, tính điểm. * Thêm dữ liệu. * Làm word. | 100% |

- Cần ghi rõ nếu nhóm có sử dụng Kotlin, cần ghi rõ nếu nhóm có thực hiện các tính năng được cộng điểm (mục 3.5)

* Chức năng chia sẻ topic bằng cách chia sẻ mã QR, quét mã QR được chia sẻ để truy cập vào topic đó.

- Liệt kê các tài khoản đăng nhập (nếu có) vào đây. Ghi rõ các thông tin cần thiết để giảng viên có thể xem được bài, chạy được source code.

* Tài khoản firebase: Email: [firebasetestuser52100987@gmail.com](mailto:firebasetestuser52100987@gmail.com), Mật khẩu: Firebase2023
* Website Firebase Console (Xem tài khoản người dùng và dữ liệu): <https://console.firebase.google.com/u/0/project/finalterm-android/overview>
* Tài khoản demo đăng nhập vào ứng dụng: Email: [dangminhphong912@gmail.com](mailto:dangminhphong912@gmail.com), Mật khẩu: MinhPhong123

**II. THANG ĐIỂM CHI TIẾT**

Hướng dẫn tự đánh giá:

* Điền chữ **X** vào cột **1** hoặc cột **2** hoặc cột **3** để thể hiện mức điểm tự đánh giá cho từng chức năng (xem ví dụ trong bảng bên dưới).
* Sau đó tính tổng điểm và điền vào phần **0.0** bên dưới.

Tổng điểm: **8.875** (sau khi tự đánh giá, nhóm tự cộng điểm tự đánh giá lại và điền vào mục này)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG TIÊU CHÍ** | **THANG ĐÁNH GIÁ** | **1** | **2** | **3** |
| **ĐIỂM** | **0 ĐIỂM** | **1/2 TỔNG ĐIỂM** | **TRỌN ĐIỂM** |
|  | **CHỨC NĂNG**  **QUẢN LÝ TÀI KHOẢN** | **1** |  |  | **0.75** |
| 1 | Đăng ký | 0.25 |  |  | **X** |
| 2 | Đăng nhập | 0.25 |  |  | **X** |
| 3 | Đổi mật khẩu | 0.25 |  |  | **X** |
| 4 | Khôi phục mật khẩu | 0.25 | **X** |  |  |
|  | **Quản lý topic và folder** | **3** |  |  | **2.5** |
| 5 | Xem danh sách topic | 0.25 |  |  | **X** |
| 6 | Tạo một topic mới | 0.25 |  |  | **X** |
| 7 | Thêm/xóa các từ vựng vào topic (cả topic mới và cũ) | 0.25 |  |  | **X** |
| 8 | Nhập/xuất danh sách từ vựng bằng csv | 0.25 |  |  | **X** |
| 9 | Cung cấp icon speaker để nhấn vào, nghe cách phát âm của mỗi từ trong danh sách | 0.25 |  |  | **X** |
| 10 | Thiết lập chế độ privacy cho topic (private/public) | 0.25 |  |  | **X** |
| 11 | Tạo folder và thêm các topic vào folder | 0.25 |  |  | **X** |
| 12 | Điều chỉnh folder (bổ sung topic hoặc xóa bớt topic) | 0.25 |  |  | **X** |
| 13 | Xem danh sách các folder | 0.25 |  |  | **X** |
| 14 | Xóa một topic hoặc folder | 0.25 |  |  | **X** |
| 15 | Có chức năng thống kê cụ thể cho từng từ vựng trong một topic (chưa học, đã học, đã thuộc) | 0.25 | **X** |  |  |
| 16 | Đánh dấu sao trên từng từ vựng để đưa nó vào một danh sách riêng | 0.25 | **X** |  |  |
|  | **Chức năng học từ vựng** | **2.5** |  |  | **2.5** |
| 17 | Học từ vựng bằng Flashcard | **0.5** |  |  | **X** |
| 18 | Chức năng tùy chỉnh cài đặt khi học flashcard | 0.25 |  |  | **X** |
| 19 | Học từ vựng bằng trắc nghiệm | **0.5** |  |  | **X** |
| 20 | Chức năng tùy chỉnh cài đặt khi học trắc nghiệm | 0.25 |  |  | **X** |
| 21 | Học từ vựng bằng gõ từ | **0.5** |  |  | **X** |
| 22 | Chức năng tùy chỉnh cài đặt khi học gõ từ | 0.25 |  |  | **X** |
| 23 | Áp dụng text to speech để phát âm thanh các từ tiếng anh tự động ở mỗi từ trong các chế độ học | 0.25 |  |  | **X** |
|  | **CÁC CHỨC NĂNG CỘNG ĐỒNG** | **2.25** |  |  | **1.875** |
| 24 | Lưu trữ dữ liệu từ vựng, topic, folder trực tuyến | **0.5** |  |  | **X** |
| 25 | Lưu trữ tài khoản người dùng trực tuyến | 0.25 |  |  | **X** |
| 26 | Xem được danh sách các topic dạng public trên toàn hệ thống trong giao diện riêng biệt | 0.25 |  |  | **X** |
| 27 | Xem được các thông tin liên quan đến bảng xếp hạng của một public topic | **0.75** |  | **X** |  |
| 28 | Tham gia học trên một topic dạng public do người khác tạo ra | 0.25 |  |  | **X** |
| 29 | Màn hình cài đặt và thay đổi các thiết lập cài đặt | 0.25 |  |  | **X** |
|  | **YÊU CẦU KHÁC**  *(đánh giá theo cảm nhận của người chấm)* | **1.25** |  |  | **1.25** |
| 30 | Giao diện | **0.5** |  |  | **X** |
| 31 | Hiệu năng của ứng dụng | 0.25 |  |  | **X** |
| 32 | Tính liên kết giữa các chức năng trong toàn bộ app | 0.25 |  |  | **X** |
| 33 | Dữ liệu trong ứng dụng | 0.25 |  |  | **X** |

**Điểm cộng riêng khi sử dụng 100% ngôn ngữ Kotlin**:

* Bài từ 9 điểm trở xuống: +1.0 điểm
* Bài trên 9 điểm: +0.5 điểm

**VII. CÁC LƯU Ý KHÁC**

* Nhiệm vụ của bài tiểu luận hoàn toàn độc lập với đồ án cuối kỳ, vì vậy tất cả các thành viên cần phải tham gia vào công việc của cả bài tiểu luận và đồ án cuối kỳ. Bài tiểu luận do giảng viên thực hành chấm. Bài đồ án cuối kỳ do giảng viên lý thuyết chấm.
* Các nhóm không được share code với nhau, không lấy source code trên mạng và tự có trách nhiệm bảo vệ source code của nhóm mình. Các nhóm có source code giống nhau (được kiểm tra bằng phần mềm chuyên dụng) hoặc giống trên mạng dù chỉ một phần sẽ đều được 0 điểm (tất cả các thành viên), mà không cần quan tâm nhóm nào share code và nhóm nào được share code.
* Đề tài cuối kỳ có thể được thực hiện bằng ngôn ngữ lập trình **Java** hoặc **Kotlin** nhưng bắt buộc phải là **Native Android** sử dụng Android Studio, không sử dụng các công cụ cross platform như React-Native, Flutter…
* **Được** sử dụng bất kỳ dịch vụ lưu trữ trực tuyến nào chẳng hạn như firebase và các dịch vụ tương đương, hoặc tự thiết lập web server riêng cũng được.
* Không được “tham khảo” mã nguồn trên mạng hoặc của các project về ứng dụng ghi chú trên mạng. Được sử dụng các thư viện ngoài nhưng phải tự đem thư viện về và ráp vào ứng dụng để chạy theo logic của mình định sẵn. Ví dụ có thể sử dụng thư viện để tạo giao diện soạn thảo văn bản theo kiểu richtext, sử dụng thư viện video player, thư viện để thiết lập giao diện nhập mã OTP một cách nhanh chóng, thư viện quét tài liệu hỗ trợ trí tuệ nhân tạo … nói chung là các thư viện cho từng tính năng cụ thể chứ không được tải source code của một ứng dụng ghi chú trên mạng về chỉnh sửa lại đem nộp và phản hồi với giảng viên là nhóm chỉ “tham khảo”.
* Điểm cộng khác (tối đa 1đ) sẽ được áp dụng nếu các nhóm làm được một/nhiều tính năng được mô tả ở phần 3.5. Nếu làm được thì nhóm cần nhấn mạnh điều đó trong video trình bày và ghi chú trong readme.txt để giảng viên cân nhắc.
* Điểm trừ cũng được áp dụng trong các tình huống sau:
  + Các nhóm phân chia công việc không đều giữa các thành viên: mức độ trừ tùy thuộc vào cách chia việc.
  + Bài nộp không đúng yêu cầu về cách đặt tên: -0.5 điểm.
  + Nộp bài trễ: trễ 1 ngày trừ 1 điểm, không nhận bài nộp trễ quá 3 ngày. Bài nộp trễ từ 1s – dưới 1 ngày được tính là 1 ngày.
  + Các vấn đề khác do nộp sai yêu cầu khiến việc chấm bài gặp khó khăn, giảng viên phải liên lạc với thành viên nhóm để lấy lại nội dung mới thì mới chấm được bài: 1 điểm.